TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HOÁ** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16 /7/2021

V/v: "T/c Chia tài sản chung sau khi Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ. TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Tính;

2. Ông Lê Văn T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị H Nhung - Kiểm sát viên.

Các ngày 14, 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở TAND thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp "Chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị H - Sinh năm 1979

Địa chỉ: đường A, phường T, thành phố T.

2. Bị đơn: Anh Lương Bá T - Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Đ, phường H, thành phố T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lương Bá T2 - Sinh năm 1959

Địa chỉ: phố Đ, phường H , thành phố T.

3.2. Bà Lương Thị H - Sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Bà Lương Thị C - Sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

3.4. Bà Lương Thị T3 - Sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

3.5. Bà Lương Thị T4 - Sinh năm 1963

Địa chỉ: Phường N, thành phố T

3.6. Bà Lương Thị T5 - Sinh năm 1969.

Địa chỉ: phố Đ, phường H , thành phố T.

3.7. Chị Lương Thị H - Sinh năm 1974.

Địa chỉ: phố Đ, phường H , thành phố T.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà: Lương Thị H, Lương Thị C, Lương Thị T3 là ông Lương Bá T2.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị H trình bày:*

Chị và anh T kết hôn với nhau năm 1999, sau khi kết hôn chị và anh T lên miền núi làm kinh tế với bố mẹ chồng là cụ ông Lương Bá C2 và cụ Lương Thị Đ, đến năm 2001 anh chị về ở tại phố Đ, phường H , thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, khi về ở đã có 01 nhà cấp bốn ba gian, ở trước là ao, ở sau là núi. Năm 2001 bố mẹ cH chị (Cụ Lương Bá C2 và cụ Lương Thị Đ) làm móng nhà, chị và anh T vào núi đào đất đổ đất làm móng nhà. Năm 2003 cụ Lương Bá C2 chết, năm 2007 và cụ Lương Thị Đ chết, không để lại di chúc, các anh chị em khác đều thoát ly và xây dựng gia đình ở riêng. Năm 2009 chị và anh T có làm một căn nhà hai tầng khép kín/100m^2, Đến tháng 5/2020 chị và anh T giải quyết ly hôn tại Tòa án nhưng chưa giải quyết về phân chia tài sản.

Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung của chị và anh T là ngôi nhà 2 tầng xây trên đất bố mẹ cH chị (Cụ Lương Bá C2 và cụ Lương Thị Đ). Ngoài ra chị yêu cầu trích phần công sức cải tạo đất trong quá trình 20 năm ở chung với anh T và cụ C2 cụ Đ thành tiền 200.000.000 đồng.

** Theo bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn anh Lương Bá T trình bày:*

Anh và chị H kết hôn với nhau vào tháng 8/1999. Sau khi kết hôn anh và chị H chung sống tại phố Đ, phường H , thành phố T. Đến năm 2001 thì bố mẹ anh là cụ Lương Bá C2 và cụ Lương Thị Đ có làm móng nhà trên đất của ông bà mà hiện nay có nhà của anh T chị H làm, anh T đang ở. Khi vợ chồng anh về ở trên đất này thì đã có 02 gian nhà cấp bốn của bố mẹ anh làm từ năm 1995. Năm 2001 thì vợ cH anh có đổ thêm đất trên móng nhà bố mẹ anh xây để làm H màu. Đến năm 2009 thì vợ cH anh làm nhà 02 tầng trên móng đất bố mẹ anh xây năm 2001. Khi làm nhà này có tiền vật liệu là 50 triệu đồng, còn tiền công thì anh làm và đổi công thợ cho người khác. Tháng 05/2020 anh và chị H ly hôn tại Tòa án nhưng tài sản chưa phân chia, nay chị H đề nghị giải quyết chia đôi tài sản trên anh cũng đồng ý. Đối với việc chị H yêu cầu trích công sức cho chị trên diện tích đất của bố mẹ anh 200.000.000 đồng anh không đồng ý trích công sức.

** Theo bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Bá T2 trình bày:*

Bố mẹ ông là cụ Lương Bá C2 và cụ Lương Thị Đ sinh hạ được 08 người con gồm: Lương Bá T2, Lương Thị H, Lương Thị C, Lương Thị T3, Lương Thị T4, Lương Thị T5, Lương Thị H, Lương Bá T. Khi còn sống bố mẹ ông có tạo lập được tài sản là 02 gian nhà cấp 4B trên diện tích đất khoảng 250m^2. Năm 1999 anh Lương Bá T kết hôn với chị Trương Thị H, sau khi kết hôn vợ cH anh T ở với bố mẹ ông là cụ C2 cụ Đ, còn các anh chị em thì sinh sống nơi khác.

Năm 2001 bố mẹ ông có làm móng nhà. Đến năm 2009 thì vợ cH anh T làm nhà 02 tấng trên móng đất bố mẹ ông xây năm 2001.

Tháng 05/2020 anh T và chị H ly hôn tại Tòa án nhưng tài sản chưa phân chia, nay chị H đề nghị giải quyết chia đôi tài sản của anh chị làm là nhà 02 tấng ông không có ý kiến gì về phần tài sản này. Ông và anh chị em trong gia đình yêu cầu anh T chị H trả lại đất của bố mẹ ông cho anh chị em ông. Về công sức mà chị H yêu cầu thì ông và anh chị em không đồng ý.

Các bà Lương Thị T4, Lương Thị T5 và Lương Thị H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật, thống nhất tạm giao di sản của cụ C2 và cụ Đ cho ông T quản lý.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 24/5/2021 tài sản được xác định như sau:

1. Về thẩm định đất: Phần diện tích đất Hiện nay anh T đang ở nguồn gốc đất là của bố mẹ anh (cụ Lương Bá C2 và cụ Lương Thị Đ) thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 06 địa chỉ Đ, phường H, thành phố T.

Diện tích hiện trạng: 188,1m^2 trong đó đất ở 100m^2, đất vườn 88,1m^2

Phía Đông giáp đất hộ ông Vương

Phía Tây giáp đất hộ ông Công

Phía Nam giáp đất đồi núi của nhà nước

Phía Bắc giáp đất đường đi của phố

2. Về định giá tài sản và đất:

2.1. Giá đất tại thời điểm hiện tại theo giá thị trường:

- Đất ở 8.000.000 đồng/m^2
- Đất vườn 4.000.000đ/m^2

Tổng trị giá trị đất là: 1.152.400.000 đồng.

2.2. Về giá trị tài sản trên đất:

* Tài sản trên đất của cụ Lương Bá C2 và cụ Lương Thị Đ gồm: 01 nhà tạm lợp Proximăng diện tích 27m^2 trị giá 2.160.000đồng,

* Tài sản chung của anh T chị H gồm: 01 nhà ở xây tường gạch chỉ 220, mái bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramic, diện tích 125,1m^2 trị giá 235.743.000 đồng; Mái đua Proxi măng tầng 2 áp sau nhà diện tích 33,8m^2 trị giá 2.704.000 đồng;

Hành lang tầng 1 lợp Proxi măng diện tích 7,5m^2 trị giá 12.253.500 đồng. Chuồng trại chăn nuôi xây tường gạch mái lợp Proximăng diện tích 20m^2 trị giá 2.598.500 đồng. Tổng trị giá 253.299.000 đồng

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn và xác định tài sản chung của vợ cH là: 01 nhà ở xây tường gạch chỉ 220, mái bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramic, diện tích 125,1m^2; Mái đua Proxi măng tầng 2 áp sau nhà diện tích 33,8m^2; Hành lang tầng 1 lợp Proxi măng diện tích 7,5m^2. Chuồng trại chăn nuôi xây tường gạch mái lợp Proximăng diện tích 20m^2. Không chấp nhận yêu cầu trích công sức của nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật,

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung của anh T và chị H theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu trích công sức của chị H thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Thống nhất tạm giao cho anh T trông coi quản lý, sử dụng tài sản của bố mẹ là diện tích đất 188,1m^2 và 01 nhà tạm lợp Proximăng diện tích 27m^2 tại Đ, phường H, thành phố T..

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS);

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 33; 59 Luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về chia tài sản chung, đồng thời xác định công sức của anh T và chị H quá trình sử dụng đã có công sức duy trì, tôn tạo và bảo quản di sản của cụ C2 và cụ Đ để lại và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về tố tụng: Các bà Lương Thị H, Lương Thị C, Lương Thị T3, ủy quyền cho ông Lương Bá T2 theo văn bản ủy quyền ngày 28/6/2021 thời hạn ủy quyền cho đến khi giải quyết xong vụ án, vì vậy việc ông Thanh là người đại diện theo ủy quyền vẫn còn thời hạn.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án " Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn" Theo khoản 2 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của chị H:

Đối với yêu cầu chia tài sản chung: Tài sản chung của chị H và anh T đều được các bên thừa nhận gồm: 01 nhà ở xây tường gạch chỉ 220, mái bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramic, diện tích 125,1m^2 ; Mái đua Proxi măng tầng 2 áp sau nhà diện tích 33,8m^2 ; Hành lang tầng 1 lợp Proxi măng diện tích 7,5m^2 Chuồng trại chăn nuôi xây tường gạch mái lợp Proximăng diện tích 20m^2 tại địa chỉ Đ,

phường H, thành phố T., hiện tài sản này anh T đang quản lý, sử dụng. Đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên được phân chia mỗi người ½ khối tài sản chung.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 24/5/2021 tài sản được xác định như sau:

1. Về thẩm định đất: Phần diện tích đất Hiện nay anh T đang ở nguồn gốc đất là của bố mẹ anh (cụ Lương Bá C2 và cụ Lương Thị Đ) thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 06 địa chỉ Đ, phường H, thành phố T..

Diện tích hiện trạng: 188,1m^2 trong đó đất ở 100m^{2,} đất vườn 88,1m^2

Phía Đông giáp đất hộ ông Vương

Phía Tây giáp đất hộ ông Công

Phía Nam giáp đất đồi núi của nhà nước

Phía Bắc giáp đất đường đi của phố

2. Về định giá tài sản và đất:

2.1. Giá đất tại thời điểm hiện tại theo giá thị trường:

- Đất ở 8.000.000 đồng/m^2
- Đất vườn 4.000.000đ/m^2

Tổng trị giá trị đất là: 1.152.400.000 đồng.

2.2. Về giá trị tài sản trên đất:

* Tài sản trên đất của cụ Lương Bá C2 và cụ Lương Thị Đ gồm: 01 nhà tạm lợp Proximăng diện tích 27m^2 trị giá 2.160.000đồng,

* Tài sản chung của anh T chị H gồm: 01 nhà ở xây tường gạch chỉ 220, mái bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramic, diện tích 125,1m^2 trị giá 235.743.000 đồng; Mái đua Proxi măng tầng 2 áp sau nhà diện tích 33,8m^2 trị giá 2.704.000 đồng; Hành lang tầng 1 lợp Proxi măng diện tích 7,5m^2 trị giá 12.253.500 đồng. Chuồng trại chăn nuôi xây tường gạch mái lợp Proximăng diện tích 20m^2 trị giá 2.598.500 đồng. Tổng trị giá 253.299.000 đồng

HĐXX thấy rằng: Sau khi ly hôn chị H chuyển đến nơi ở khác, anh T vẫn ở và sử dụng căn nhà của vợ chồng trên đất của bố mẹ anh T nên giao cho anh T được sở hữu tài sản chung của anh T chị H tại địa chỉ Đ, phường H, thành phố T. gồm: 01 nhà ở xây tường gạch chỉ 220, mái bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramic, diện tích 125,1m^2 trị giá 235.743.000 đồng; Mái đua Proxi măng tầng 2 áp sau nhà diện tích 33,8m^2 trị giá 2.704.000 đồng; hành lang tầng 1 lợp Proxi măng diện tích 7,5m^2 trị giá 12.253.500 đồng. chuồng trại chăn nuôi xây tường gạch mái lợp Proximăng diện tích 20m^2 trị giá 2.598.500 đồng. Tổng trị giá 253.299.000 đồng, anh T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị H là 126.649.500 đồng.

* Đối với yêu cầu trích công sức trong khối tài sản chung của bố mẹ anh T là 200.000.000 đồng.Thấy rằng tài sản của bố mẹ anh T là cụ Lương Bá C2 và cụ

Lương Thị Đ gồm: 01 nhà tạm lợp Proximăng diện tích 27m^2 trị giá 2.160.000đồng, .

Diện tích đất 188,1m^2 trong đó 100m^2 đất ở và 88,1m^2 đất vườn tổng trị giá đất là: 1.152.400.000 đồng. Tổng trị giá tài sản phần nổi và đất: 1.154.560.000 đồng. Từ năm 1999 anh T chị H đã ở chung với cụ C2 và cụ Đ, anh chị có công sức tôn tạo đất và duy trì bảo quản tài sản trên đất. Hiện nay cụ C và cụ Đ đã chết, khi chết hai cụ không để lại di chúc, khối tài sản sau khi hai cụ chết vợ chồng anh T vẫn ở và quản lý tài sản này và thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước trên diện tích đất này, nay anh chị đã ly hôn chị H yêu cầu trích công sức tôn tạo, san lấp đối với diện tích đất của cụ C2 và cụ Đ là có căn cứ. Để đảm bảo quyền lợi của đương sự nên cần trích công sức trong khối tài sản của cụ C và cụ Đ cho chị H là 100.000.000 đồng, còn công sức của anh T sẽ được xem xét khi giải quyết vụ án chia thừa kế sau này.

Sau khi anh T chị H ly hôn, anh T ở và quản lý tài sản của cụ C cụ Đ, hiện nay anh T không có nơi ở khác, trên đất có tài sản là căn nhà 02 tầng của anh T chị H, các anh chị em trong gia đình đều có nơi ăn chốn ở nơi khác, tại phiên Tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất đề nghị Tòa án tạm giao cho anh T quản lý sử dụng tài sản của cụ C2 và cụ Đ. Do vậy nên tạm giao khối tài sản của cụ C và cụ Đ gồm: 01 nhà tạm lợp Proximăng diện tích 27m^2 trị giá 2.160.000đồng, Diện tích đất 188,1m^2 trong đó 100m^2 đất ở và 88,1m^2 đất vườn tổng trị giá đất là: 1.152.400.000 đồng tại địa chỉ SN 110 B Đông Quang, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa cho anh T sử dụng trông coi. Di sản của cụ C cụ Đ chưa chia thừa kế, xác định đây là di sản của bố mẹ để lại cho 8 anh em ông Thanh gồm: Lương Bá T2, Lương Thị H, Lương Thị C, Lương Thị T3, Lương Thị T4, Lương Thị T5, Lương Thị H, Lương Bá T. Lẽ ra những người này được thừa kế di sản của cụ C2 và cụ Đ thì phải trích công sức cho chị H. Tuy nhiên khối di sản này chưa chia, anh T là sử dụng trông coi. Vì vậy tiền trích công sức cho chị H, anh T chịu trách nhiệm thanh T4 và anh được xem xét trừ đi trong khối di sản của cụ C2 và cụ Đ khi giải quyết vụ án chia thừa kế.

[9]. Về án phí: Chị H phải chịu 6.334.700 đồng án phí chia tài sản và phải chịu án phí 5.000.000 đồng phần yêu cầu trích công sức 100.000.000 đồng không được chấp nhận. Tổng chị H phải chịu 11.334.700 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 8.750.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001751 ngày 15/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị H còn phải nộp 2.584.700 đồng.

Anh T phải chịu 6.334.700 đồng án phí chia tài sản.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 28; Điều 35; Điều 271; 273 BLTTDS; Điều 33; 59 Luật HNGĐ; Điều 213 BLDS năm 2015. Điều 27, tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Mục A Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

* Xác định tài sản chung của anh T chị H tại địa chỉ Đ, phường H, thành phố T gồm: 01 nhà ở xây tường gạch chỉ 220, mái bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramic, diện tích 125,1m^2 trị giá 235.743.000 đồng; Mái đua Proxi măng tầng 2 áp sau nhà diện tích 33,8m^2 trị giá 2.704.000 đồng; Hành lang tầng 1 lợp Proxi măng diện tích 7,5m^2 trị giá 12.253.500 đồng. Chuồng trại chăn nuôi xây tường gạch mái lợp Proximăng diện tích 20m^2 trị giá 2.598.500 đồng. Tổng trị giá 253.299.000 đồng.

Chia cho anh T được sở hữu gồm: 01 nhà ở 02 tầng xây, tường gạch chỉ 220, mái bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramic, diện tích 125,1m^2 trị giá 235.743.000 đồng; Mái đua Proxi măng tầng 2 áp sau nhà diện tích 33,8m^2 trị giá 2.704.000 đồng; hành lang tầng 1 lợp Proxi măng diện tích 7,5m^2 trị giá 12.253.500 đồng, chuồng trại chăn nuôi xây tường gạch mái lợp Proximăng diện tích 20m^2 trị giá 2.598.500 đồng. Anh T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị H là 126.649.500 đồng.

- Trích công sức cho chị H trong khối tài sản nhà đất của cụ C2 cụ Đ 100.000.000 đồng. Số tiền trích công sức cho chị H buộc anh Lương Bá T phải thanh T4 cho chị H. Anh T được xem xét trừ đi tiền trích công sức cho chị H và xem xét công sức của anh trong khối di sản của cụ C2 và cụ Đ khi giải quyết vụ án chia thừa kế.

* Tạm giao cho anh T quản lý tài sản của bố mẹ anh T (là cụ Lương Bá C2 và cụ Lương Thị Đ) gồm: 01 nhà tạm lợp Proximăng diện tích 27m^2 trị giá 2.160.000đồng, Diện tích đất 188,1m^2 trong đó 100m^2 đất ở và 88,1m^2 đất vườn tổng trị giá đất là: 1.152.400.000 đồng vị trí thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 06 địa chỉ 110B Đông Quang, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa. Có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp đất hộ ông Vương

Phía Tây giáp đất hộ ông Công

Phía Nam giáp đất đồi núi của nhà nước

Phía Bắc giáp đất đường đi của phố.

Về án phí: Chị H phải chịu 6.334.700 đồng án phí chia tài sản và phải chịu án phí 5.000.000 đồng phần yêu cầu trích công sức 100.000.000 đồng không được chấp nhận. Tổng chị H phải chịu 11.334.700 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 8.750.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001751 ngày 15/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị H còn phải nộp 2.584.700 đồng.

Anh T phải chịu 6.334.700 đồng án phí chia tài sản.

Đối với khoản tiền phải thi hành án nói trên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định tại Điều 357 BLDS.

Các bên đ□ơng sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- VKSND tỉnh TH;
- TAND tỉnh TH;
- Chi cục THADS TPTH;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt